TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L X** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vi

2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 553/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị E, sinh năm 1986; (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang P, sinh năm 1985; (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 20, khóm T, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2017 và bản tự khai cùng ngày 28/7/2017, tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Dương Thị E trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P là do mai mối, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố LX ngày 31/12/2010. Hôn nhân lần thứ nhất của cả

hai. Sau khi kết hôn, chị E và anh P sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên không quan tâm đến vợ và có người phụ nữ khác bên ngoài, chị cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống không hạnh phúc nên chị Dương Thị E yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang P.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị E và anh P có 01 (một) con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2009. Chị E trình bày anh P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Nếu được ly hôn chị E đồng ý để cháu H cho anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị E trình bày không có.

Anh Trần Quang P là bị đơn trong vụ án không nộp cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của chị E và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- *Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Chị Dương Thị E có đơn đề nghị tòa án Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 22/11/2017 do phải đi làm ăn ở xa. Anh P vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1] Chị Dương Thị E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 22/11/2017. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Nguyên đơn chị Dương Thị E có nộp cho tòa án về việc xác nhận nơi cư trú của anh Trần Quang P và được công an phường M xác nhận ngày 30/11/2017 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Dương Thị E và anh Trần Quang P theo thủ tục chung.

[2] Tranh chấp giữa chị Dương Thị E và anh Trần Quang P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L X đã thụ lý giải quyết.

[3] Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp các vấn đề có liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xét đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trần Quang P theo thủ tục chung.

- *Về nội dung*:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Dương Thị E và anh Trần Quang P là hôn nhân hợp pháp bởi anh chị có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố LX cấp giấy chứng nhận kết hôn số 271, quyển số 01/2010 ngày 31/12/2010.

[5] Chị E trình bày, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh P có tình cảm với người phụ nữ khác và hôn nhân không thể mang lại hạnh phúc nên chị E yêu cầu ly hôn.

[6] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh P không gởi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của chị E, cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn.

Xét thấy, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị E và anh P không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đôi bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị E.

[3] Về con chung: Theo trình bày chị E cũng như chứng cứ thể hiện, chị và anh P có 01 (một) con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2009. Thời gian qua, anh P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Thị Ngọc H có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha và yêu cầu của chị E đồng ý để cháu H cho anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó để cháu H có điều kiện ổn định cuộc sống và tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị E để cháu H cho anh P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh P không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh P không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên có phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị E phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2,6,7,9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Quang P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị E được ly hôn với bị đơn anh Trần Quang P.

- Về con chung: Chị E và anh P có 01 (một) con chung tên Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2009. Anh Trần Quang P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung chưa thành niên cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 14/10/2009.

Anh Trần Quang P cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho chị E thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Dương Thị E phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng

được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018692, ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L X. Chị Dương Thị E đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị E và anh Trần Quang P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP.L X;*
- *THADS Tp.LX;*
- *Lưu VP; hồ sơ.*

Lê Huỳnh Bích Tuyền